Giáo Án Khoa học 5 Từ tuần 22 – tuần 25  
GV: Nguyễn Hữu Nghĩa  
  
**MÔN: KHOA HỌC**

**BÀI 20. MỘT SỐ BỆNH Ở NGƯỜI DO VI KHUẨN GÂY RA *(2 tiết – tiết 2)***

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***-*** Kể được tên một số bệnh ở người do vi khuẩn gây ra. Nêu được nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách phòng tránh.

***-*** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong xử lí tình huống và chia sẻ những việc làm để phòng tránh bệnh tả, bệnh lao phổi. Năng lực giao tiếp và hợp tác trong thảo luận, đóng vai để nói về nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng tránh các bệnh do vi khuẩn gây ra.

***-*** Trách nhiệm với công việc được giao ở lớp. Trung thực trong báo cáo kết quả thảo luận nhóm.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.GV**

- Các hình 2 – 6 (SGK trang 72).

- Các hình 7 – 6 (SGK trang 73).

- Hình 8, 9 (SGK trang 73).

**2.HS**

- SGK trang 72,73.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| * 1. ***Hoạt động Mở đầu (5 phút)*** | |
| ‒ GV chia lớp thành hai đội chơi và tổ chức cho HS thi đua tìm những từ khoá quan trọng liên quan đến bệnh tả. Trong thời gian quy định, nhóm nào tìm đúng và được nhiều từ khoá nhất sẽ là nhóm thắng cuộc.  ‒ GV đặt câu hỏi: Ngoài bệnh tả do vi khuẩn gây ra, các em còn biết những bệnh nào khác do vi khuẩn gây ra không?  ‒ GV nhận xét chung và dẫn dắt vào tiết 2 của  bài học. | * HS chia đội và thi đua tìm từ khoá. Ví dụ: nôn, tiêu chảy nhiều lần liên tục, sốt, chuột rút,… * HS lắng nghe và trả lời theo khả năng hiểu biết của bản thân. * HS lắng nghe. |
| * 1. ***Hoạt động Hình thành kiến thức mới: Tìm hiểu về bệnh lao phổi (15 phút)*** | |
| – GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS quan sát các hình 2, 3, 4, 5, 6 (SGK trang 72), đọc nội dung trong các hộp thông tin và thảo luận nhóm để viết thành sơ đồ tư duy vào giấy A4 hoặc A3 theo các nội dung sau:  + Nguyên nhân và triệu chứng của bệnh lao phổi.  + Cách phòng tránh bệnh lao phổi.  + Hậu quả do bệnh lao phổi gây ra. | * HS chia nhóm, quan sát hình, đọc thông tin và thảo luận nhóm. * HS hoàn thành sơ đồ tư duy vào giấy A4 hoặc A3 theo sự sáng tạo của từng nhóm về các nội dung: Nguyên nhân và triệu chứng của bệnh lao phổi. Cách phòng tránh bệnh lao phổi. Hậu quả do bệnh lao phổi gây ra. |
| * GV mời đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm và khái quát nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng tránh bệnh lao phổi.  * GV mời HS các nhóm khác nhận xét và bổ sung. * GV khen ngợi những HS có câu trả lời đúng, lưu loát, có thêm những ý mới về nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng tránh bệnh lao phổi. * GV tổng kết chung và hướng dẫn HS rút ra kết luận. * GV khuyến khích HS đọc mục Em tìm hiểu thêm (SGK trang 73) để có thêm thông tin về bệnh lao phổi. | * HS đại diện nhóm lên trình bày. * HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi (nếu có). * HS khác lắng nghe. * HS lắng nghe và rút ra kết luận:   + Bệnh lao phổi do vi khuẩn lao gây ra, lây truyền chủ yếu qua cơ quan hô hấp, có thể nguy hiểm đến tính mạng con người nếu không được chữa trị kịp thời.  + Để phòng tránh bệnh lao phổi, chúng ta cần: Giữ gìn vệ sinh nhà ở và môi trường xung quanh; ăn uống đủ chất và hợp vệ sinh; tiêm phòng theo khuyến nghị của bác sĩ; cần đeo khẩu trang khi đến bệnh viện và không ăn uống tại bệnh viện, đặc biệt là khoa truyền nhiễm,…   * HS lắng nghe và thực hiện. |
| * 1. ***Hoạt động luyện tập, thực hành: Em tập làm bác sĩ (7 phút)*** | |
| ‒ GV chia lớp thành các nhóm và tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Em tập làm bác sĩ”. Luật chơi: một HS đóng vai là bệnh nhân để nói về triệu chứng, một HS khác đóng vai là bác sĩ để nói về nguyên nhân gây bệnh và cách phòng tránh bệnh.  ‒ GV tổ chức cho HS thực hành đóng vai để nói về nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng tránh các bệnh do vi khuẩn gây ra.  ‒ GV mời một số nhóm lên đóng vai nói về nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng tránh bệnh do vi khuẩn gây ra.  ‒ GV mời HS các nhóm nhận xét.  ‒ GV khen ngợi các nhóm sáng tạo, tạo ra được nhiều tình huống sát với các bệnh và đưa ra được kết luận chính xác. | * HS chia nhóm, đóng vai theo sự hướng dẫn của GV và sự phân công của nhóm trưởng. Ví dụ:   + HS đóng vai bệnh nhân nói: Cháu bị nôn và tiêu chảy nhiều lần liên tục, thưa bác sĩ.  + HS đóng vai bác sĩ sẽ trả lời: Có thể cháu đã bị mắc bệnh tả.  + HS đóng vai bệnh nhân: Vậy cháu cần phải làm gì để phòng tránh, thưa bác sĩ?  + HS đóng vai bác sĩ sẽ trả lời: Bệnh tả do vi khuẩn tả gây ra và lây truyền qua cơ quan tiêu hoá. Để phòng tránh bệnh, cháu cần rửa tay sạch bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh; đảm bảo sử dụng nguồn nước sạch; đi đại tiện đúng nơi quy định; sử dụng thức ăn ngay sau khi đã được nấu chín kĩ, uống nước đã được đun sôi; sử dụng thực phẩm an toàn;...   * Một số nhóm lên đóng vai trước lớp. * HS các nhóm khác nhận xét. * HS lắng nghe. |
| * 1. ***Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: Xử lí tình huống (8 phút)*** | |
| * GV chia lớp thành các nhóm, tổ chức cho HS quan sát, đọc thông tin trong các hình 8, 9 (SGK trang 73), thảo luận nhóm để đóng vai xử lí các tình huống. * GV mời một số nhóm lên đóng vai xử lí tình huống trước lớp. * GV mời HS dưới lớp nhận xét. * GV khen ngợi những HS có câu trả lời đúng, đóng vai tốt, trả lời lưu loát và trình bày sáng tạo. * GV hướng dẫn HS rút ra kết luận. * GV lồng ghép giáo dục HS cần thực hiện những việc làm để phòng tránh các bệnh do vi khuẩn gây ra (bệnh tả, bệnh lao phổi, bệnh sâu răng,...) như: giữ gìn vệ sinh nhà ở và môi trường xung quanh; giữ vệ sinh cá nhân; có chế độ ăn uống và sinh hoạt khoa học, lành mạnh; vận động bạn bè cùng có ý thức thực hiện để bảo vệ sức khoẻ. * GV yêu cầu HS đọc nội dung chốt kiến thức và mục Em tìm hiểu thêm (SGK trang 73) để hiểu rõ hơn về nội dung đã học. * GV dẫn dắt để HS tìm ra các từ khoá: Bệnh tả;   Bệnh lao phổi. | * HS chia nhóm, quan sát hình và thảo luận để đóng vai xử lí các tình huống. * HS đóng vai xử lí tình huống trước lớp. * HS dưới lớp nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi (nếu có). * HS lắng nghe. * HS rút ra kết luận: Cần giữ vệ sinh an toàn thực phẩm: ăn thức ăn đã được nấu chín kĩ, uống nước đã được đun sôi; không ăn uống ở những nơi công cộng, đặc biệt là ở khu vực xung quanh bệnh viện lao phổi,… để bảo vệ sức khoẻ và phòng tránh các bệnh do vi khuẩn gây ra. * HS lắng nghe. * HS lắng nghe và thực hiện. * HS tìm và nêu các từ khoá trong bài. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

**MÔN: KHOA HỌC**

**BÀI 21. ÔN TẬP CHỦ ĐỀ VI KHUẨN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***-*** Vẽ được sơ đồ tư duy để hệ thống và củng cố kiến thức về chủ đề Vi khuẩn. Tuyên truyền với bạn, gia đình và cộng đồng cùng phòng chống bệnh tả, bệnh lao phổi.

***-*** Năng lực tự chủ và tự học trong việc tổng kết bài học và hoàn thành các nhiệm vụ được phân công ở trường, ở lớp. Năng lực giao tiếp và hợp tác trong tiến hành tạo sản phẩm, thảo luận và tuyên truyền. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua thiết kế sơ đồ tư duy, vẽ tranh tuyên truyền phòng chống bệnh tả, bệnh lao phổi.

***-*** Cẩn thận, tuân thủ các hướng dẫn trong quá trình thực hành. Trung thực trong tiến hành, thảo luận và báo cáo kết quả. Ham hiểu biết, tìm hiểu về các bệnh do vi khuẩn gây ra, đặc biệt là bệnh tả và bệnh lao phổi.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.GV**

- Giấy A1 (8 tờ). Bút màu, bút chì (2 bộ). Kệ treo tranh (8 cái).

- SGK trang 74.

**2.HS**

**-** Bút màu, bút chì (mỗi nhóm).

**-** Giấy, bút.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| ***1. Hoạt động Mở đầu (5 phút)*** | | |
| * GV chia lớp thành hai đội chơi. * GV tổ chức cho HS thi đua tìm tên bài hát, câu thơ hoặc câu chuyện, từ khoá,… có liên quan đến từ “vi khuẩn”. * GV khuyến khích HS khai thác, phân tích và tìm một số câu, từ để diễn tả hình dạng và nơi sống, tác hại hoặc ích lợi của vi khuẩn đối với con người và sinh vật. * GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học “Ôn   tập chủ đề Vi khuẩn”. | | * HS chia đội. * HS tham gia trò chơi, tuỳ theo năng lực của từng đội, HS có thể tìm tên bài hát hay câu thơ,… Ví dụ: Bài hát Vũ điệu diệt khuẩn, Vi khuẩn xấu xa,… * HS lắng nghe và thực hiện. * HS lắng nghe. |
| ***2.Hoạt động Ôn tập***  ***Hoạt động 1: Sơ đồ hoá chủ đề Vi khuẩn (15 phút)*** | | |
| * GV chia lớp thành các nhóm. * GV yêu cầu HS tham khảo sơ đồ gợi ý (SGK trang 74), thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ: Vẽ hoặc viết những điều em đã học được từ chủ đề Vi khuẩn và chia sẻ với bạn. * GV hướng dẫn, gợi mở để HS nhớ lại các kiến thức cốt lõi đã học được trong chủ đề Vi khuẩn. GV cần khuyến khích HS sáng tạo, phát huy các năng lực như vẽ, viết,… để hoàn thành sơ đồ khái quát các kiến thức đã học được trong chủ đề một cách đầy đủ và đẹp nhất.   *\* Lưu ý:* GV khuyến khích HS vẽ, viết bằng sơ đồ tư duy theo nhiều cách sáng tạo khác nhau.   * GV tổ chức cho các nhóm treo sản phẩm lên kệ tranh (đặt ở xung quanh lớp) để chia sẻ với bạn. * GV tổ chức cho HS của các nhóm tham quan và nhận xét lẫn nhau. * GV mời một số nhóm chia sẻ sản phẩm trước lớp. * GV mời HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung. * GV nhận xét chung và nhắc lại các kiến thức cốt lõi đã học được trong chủ đề Vi khuẩn. | | * HS chia nhóm. * HS các nhóm thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy trong thời gian 7 phút. * HS lắng nghe và thực hiện. * Các nhóm đính sản phẩm lên kệ tranh. * Tất cả HS di chuyển trật tự để quan sát sản phẩm của nhóm bạn và nhận xét. * Đại diện một số nhóm lên chia sẻ sản phẩm. * HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung. * HS lắng nghe và ghi nhớ. |
| ***Hoạt động 2: Em tập làm tuyên truyền viên (15 phút)*** | | |
| * GV chia lớp thành các nhóm và tổ chức cho HS đọc yêu cầu của mục 2 trong SGK trang 74: Viết hoặc vẽ tranh phòng chống bệnh tả hoặc bệnh lao phổi và tuyên truyền với các bạn, gia đình, cộng đồng cùng thực hiện. * GV phân công 2 – 3 nhóm viết hoặc vẽ tranh cổ động tuyên truyền về phòng chống bệnh tả, các nhóm còn lại viết hoặc vẽ tranh cổ động tuyên truyền về phòng chống bệnh lao phổi trên giấy khổ A3 hoặc A0 (tuỳ điều kiện của trường, lớp). * GV mời đại diện các nhóm lên đóng vai là tuyên truyên viên để tuyên truyền về cách phòng chống bệnh tả, bệnh lao phổi. * GV mời HS các nhóm khác nhận xét. * GV tổng kết, khen ngợi những HS có khả năng tuyên truyền tốt, tự tin, sáng tạo và có sản phẩm trình bày đẹp, nội dung hay. * GV hướng dẫn HS rút ra kết luận. * GV yêu cầu HS hoàn thiện các sản phẩm để trưng bày ở góc sáng tạo của lớp. | * HS chia nhóm và đọc nội dung yêu cầu của mục 2. * HS thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. * Đại diện các nhóm đóng vai là tuyên truyên viên để tuyên truyền về cách phòng chống bệnh tả hoặc bệnh lao phổi. * HS các nhóm khác nhận xét và bổ sung. * HS lắng nghe. * HS rút ra kết luận: Để góp phần bảo vệ sức khoẻ cho gia đình và mọi người xung quanh, chúng ta cần chia sẻ và tuyên truyền nội dung phòng chống bệnh tả, bệnh lao phổi và các bệnh khác do vi khuẩn gây ra đến bạn bè, người thân trong gia đình và cộng đồng để cùng thực hiện. * HS lắng nghe và thực hiện. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

==============================  
**MÔN: KHOA HỌC**

**BÀI 22. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA NAM VÀ NỮ *(2 tiết – tiết 1)***

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***-*** Phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ. Thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới.

***-***Năng lực giao tiếp và hợp tác trong thảo luận về những việc làm thể hiện sự tôn trọng bạn cùng giới và khác giới.

***-*** Trách nhiệm về việc chia sẻ các công việc đối với bạn cùng giới và khác giới. Trung thực trong chia sẻ và thực hiện các công việc của lớp.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.GV**

**-** Hình 1, 2 (SGK trang 76).

- Các hình 3 – 7 (SGK trang 76).

- Phiếu học tập.

- Bài tập 5 (trong VBT trang 63)

**2.HS**

- SGK trang 76.

- VBT trang 63.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| ***1. Hoạt động Mở đầu (5 phút)*** | |
| ‒ GV yêu cầu HS đọc nội dung câu lệnh: Chia sẻ những gì em biết về bạn nam và bạn nữ.  ‒ GV tổ chức cho HS thảo luận và chia sẻ với bạn cùng bàn.  ‒ GV mời đại diện một số HS chia sẻ về những gì HS biết về bạn nam và bạn nữ. GV khuyến khích HS đưa ra được càng nhiều càng tốt về những hiểu biết của các em, không nhận xét đúng sai.  ‒ GV mời một số HS nhận xét và bổ sung.  ‒ GV nhận xét chung, giải thích thêm cho HS: Nam và nữ có rất nhiều đặc điểm chung, tuy nhiên giữa nam và nữ có những khác biệt cơ bản về mặt sinh học như cấu tạo của cơ quan sinh dục,…  ‒ GV dẫn dắt vào bài học “Một số đặc điểm của  nam và nữ”. | * HS đọc câu lệnh. * HS thảo luận và chia sẻ với bạn cùng bàn. Một bạn nêu yêu cầu: Hãy chia sẻ những gì bạn biết về bạn nam và bạn nữ. Bạn còn lại trả lời.   ‒ HS chia sẻ câu trả lời trước lớp.  ‒ HS khác nhận xét, bổ sung.  ‒ HS lắng nghe.   * HS lắng nghe. |
| ***2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới***  ***Hoạt động 1: Tìm hiểu về đặc điểm sinh học của nam và nữ (12 phút)*** | |
| * GV chia lớp thành các nhóm 4 (hoặc nhóm 6) và hướng dẫn HS hoạt động nhóm. * GV yêu cầu HS từng nhóm quan sát hình 1, 2 (SGK trang 76), đọc thông tin và cho biết đặc điểm sinh học của nam và nữ. * GV mời một số HS đại diện các nhóm lên chỉ hình và nói về đặc điểm sinh học của nam và nữ trước lớp. Các HS khác nhận xét và bổ sung. * GV yêu cầu HS rút ra một số điểm khác biệt giữa nam và nữ về mặt sinh học. * GV mở rộng thêm cho HS: Giới tính là khái niệm chỉ sự khác biệt giữa nam và nữ về phương diện sinh học, có sẵn từ khi sinh ra, đồng nhất và không biến đổi (trừ trường hợp có sự can thiệp của y học). | * HS chia nhóm và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV. * HS đọc thông tin, quan sát hình 1, 2 và thảo luận nhóm. Ví dụ:   + Hình 1: Cơ quan sinh dục nam sản sinh ra tinh trùng.  + Hình 2: Cơ quan sinh dục nữ sản sinh ra trứng.   * HS trả lời và nhận xét lẫn nhau. * HS rút ra kết luận: Đặc điểm sinh học của nam và nữ ít thay đổi trong quá trình sống. Đến tuổi dậy thì, cơ quan sinh dục của nam tạo ra tinh trùng và cơ quan sinh dục của nữ tạo ra trứng. * HS lắng nghe. |
| ***Hoạt động 2: Tìm hiểu về đặc điểm xã hội của nam và nữ (12 phút)*** | |
| – GV chia lớp thành các nhóm 6 (và hướng dẫn HS hoạt động nhóm. | – HS chia nhóm. |
| * GV yêu cầu HS từng nhóm quan sát hình 3, 4, 5, 6, 7 (SGK trang 77), đọc thông tin và cho biết đặc điểm xã hội của nam và nữ. * GV mời một số HS đại diện các nhóm lên mô tả ý nghĩa các hình và nói về đặc điểm xã hội của nam và nữ trước lớp. * GV mời các HS khác nhận xét và bổ sung. * GV nhận xét và yêu cầu HS kể thêm một số đặc điểm xã hội khác. * GV yêu cầu HS rút ra kết luận về một số đặc điểm xã hội của nam và nữ. * GV mở rộng thêm cho HS: Khác với giới tính, giới không mang tính bẩm sinh mà được hình thành trong quá trình sống, học tập của con người từ khi còn nhỏ đến lúc trưởng thành (đặc điểm xã hội của nam và nữ). Nói cách khác, giới được thể hiện thông qua các hành vi được hình thành từ sự dạy dỗ và thu nhận từ gia đình, cộng đồng và xã hội về vị trí, vai trò của nam và nữ mà xã hội mong muốn, kì vọng. | * HS quan sát các hình, đọc thông tin và thảo luận nhóm. * HS trả lời. Ví dụ:   + Hình 3: Nam và nữ cùng nhau chia sẻ công việc gia đình (bố nấu ăn, mẹ cắm hoa,…).  + Hình 4: Nữ tham gia nhiều công tác quan trọng trong xã hội như: nhà khoa học, nhà quản lí,…  + Hình 5: Nam và nữ cùng tham gia các hoạt động xã hội như công tác từ thiện, đền ơn đáp nghĩa,…  + Hình 6: Nam và nữ đều có thể làm nhiều công việc trong xã hội như nhau, đặc biệt là các công việc tại văn phòng.  + Hình 7: Đa số nam tham gia nhiều các công việc ngoài công trường, thi công công trình,…   * HS nhận xét và bổ sung (nếu có). * HS kể thêm một số đặc điểm xã hội khác của nam và nữ. * HS rút ra kết luận: Đặc điểm xã hội của nam và nữ được hình thành do giáo dục, học tập, quan điểm, nếp sống của gia đình,... và có thể thay đổi theo thời gian. * HS lắng nghe. |
| ***3. Hoạt động luyện tập, thực hành: Thảo luận và chia sẻ một số đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của nam và nữ (6 phút)*** | |
| ‒ GV chia lớp thành các nhóm và phát cho mỗi nhóm 1 phiếu học tập (theo nội dung gợi ý ở trang 77 của SGK hoặc GV có thể yêu cầu HS mở bài tập 5 trang 63 trong VBT).   * GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để hoàn thành nội dung chia sẻ về một số đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của nam và nữ vào phiếu học tập (hoặc VBT). * GV mời đại diện các nhóm chia sẻ nội dung thảo luận của nhóm mình. * GV mời HS các nhóm khác nhận xét. * GV nhận xét và nhắc lại một số đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của nam và nữ. | ‒ HS chia nhóm và nhận phiếu học tập (hoặc mở bài tập 5 trang 63 trong VBT).  ‒ HS thảo luận nhóm và hoàn thành nội dung chia sẻ về một số đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của nam và nữ vào phiếu.  ‒ HS chia sẻ.  ‒ HS nhận xét lẫn nhau.  ‒ HS lắng nghe và ghi nhớ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….  
**MÔN: KHOA HỌC**

**Bài 22: MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA NAM VÀ NỮ (TIẾT 2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

-Phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ. Thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác trong thảo luận về những việc làm thể hiện sự tôn trọng bạn cùng giới và khác giới.

-Trách nhiệm về việc chia sẻ các công việc đối với bạn cùng giới và khác giới. Trung thực trong chia sẻ và thực hiện các công việc của lớp.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:**

-Các hình 8 – 11 (SGK trang 78).

-SGK trang 78.

-Giấy khổ lớn (A4, A3 hoặc A0).

**2.Học sinh:**

-SGK trang 78.

-Bút viết, bút vẽ, màu tô.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Hoạt động Mở đầu (**5 phút) | |
| ‒ GV chia lớp thành hai đội chơi và tổ chức cho HS của hai đội thi đua tìm các từ khoá có liên quan đến đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ. Mỗi đội sẽ tìm viết từ khoá vào giấy khổ A4 hoặc cử một thành viên lên bảng ghi lại. Trong thời gian quy định, đội nào tìm đúng và được nhiều từ khoá hơn sẽ là đội chiến thắng.  ‒ GV nhận xét chung, tuyên dương đội thắng cuộc và dẫn dắt vào tiết 2 của bài học. | -HS chia đội, lắng nghe luật chơi và thực hiện theo hướng dẫn của GV.  -HS tham gia chơi và đưa ra các từ khoá. Ví dụ:  + Từ khoá về đặc điểm sinh học của nữ: buồng trứng, trứng, kinh nguyệt,…  + Từ khoá về đặc điểm sinh học của nam: tinh hoàn, tinh trùng,…  HS lắng nghe. |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới: Tìm hiểu những việc nên làm để tôn trọng bạn cùng giới và khác giới** (12 phút) | |
| – GV chia lớp thành các nhóm, tổ chức cho HS quan sát và đọc nội dung các hình 8, 9, 10, 11 (SGK trang 78), thảo luận nhóm và cho biết những biểu hiện tôn trọng bạn cùng giới và khác giới.  \* *Lưu ý:* GV có thể chia từng cặp HS để đóng vai theo nội dung các tình huống trong mỗi hình và khuyến khích các nhóm tìm thêm những tình huống khác để đóng vai.  -GV mời một số nhóm đại diện lên chỉ hình và chia sẻ (hoặc đóng vai) về những biểu hiện tôn trọng bạn cùng giới và khác giới.  -GV mời các HS khác nhận xét và bổ sung.  -GV mời HS đại diện nhóm rút ra kết luận về những biểu hiện tôn trọng bạn cùng giới và khác giới qua các tình huống trên. | -HS chia nhóm và thực hiện theo yêu cầu của GV.  -HS chia sẻ những biểu hiện tôn trọng bạn cùng giới và khác giới thông qua các hình:  + Hình 8: Giúp đỡ bạn cùng học tập tiến bộ.  + Hình 9: Quan tâm tới kì kinh nguyệt của bạn nữ. GV lưu ý các HS nữ nên chia sẻ với bạn, người thân để mọi người cùng giúp đỡ, hỗ trợ các em có thời gian nghỉ ngơi, tránh làm việc nặng, không hoạt động mạnh trong thời kì này.  + Hình 10: Nam và nữ cùng tham gia các công việc chung của trường, lớp; đối với các việc nặng, bạn nam cần chia sẻ và hỗ trợ bạn nữ.  + Hình 11: Tôn trọng sự khác biệt đối với từng cá nhân.  HS nhận xét và bổ sung  -HS đại diện nhóm rút ra kết luận về những biểu hiện tôn trọng bạn cùng giới và khác giới: Cần có thái độ cư xử đúng mực, tôn trọng bạn cùng giới và khác giới như cùng tham gia và chia sẻ các công việc chung của trường, lớp; hỗ trợ và giúp đỡ bạn những lúc khó khăn, đặc biệt là các bạn nữ khi tới kì kinh nguyệt; tôn trọng sự khác biệt;… |
| -GV hỏi HS: Em còn biết những biểu hiện tôn trọng bạn cùng giới và khác giới nào khác? Chia sẻ với bạn.  -GV nhận xét chung và khen ngợi những HS có khả năng đóng vai, sáng tạo và kể thêm được các tình huống tôn trọng bạn cùng giới và khác giới khác. | -HS trả lời: Biết lắng nghe và thấu hiểu; tránh xúc phạm và làm tổn thương người khác; tôn trọng quyền lợi và sự riêng tư của mọi người; không phán xét khi có sự khác biệt về quan điểm và ý kiến; có lời nói và thái độ thân thiện, lịch sự khi giao tiếp,…  -HS lắng nghe. |
| **3.Hoạt động luyện tập, thực hành: Thi kể về những việc đã làm thể hiện sự tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới** (8 phút) | |
| -GV chia lớp thành các nhóm đôi và tổ chức cho HS thảo luận, chia sẻ về những việc đã làm thể hiện sự tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới.  -GV mời một số cặp lên chia sẻ trước lớp.  -GV khen ngợi những HS trả lời lưu loát, đã có nhiều việc làm tốt thể hiện sự tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới. | -HS chia nhóm, thảo luận và chia sẻ cặp đôi với nhau. Ví dụ: Những việc đã làm thể hiện sự tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới như: không phân biệt đối xử, khiêm tốn, tôn trọng, ghi nhận, giữ lời hứa, chu đáo,…  -Đại diện một số nhóm lên chia sẻ trước lớp. -HS các nhóm khác khác lắng nghe và nhận xét.  -HS lắng nghe. |
| **4.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:** **Em tập làm tuyên truyền viên** (10 phút) | |
| -GV chia lớp thành các nhóm và tổ chức cho HS đọc yêu cầu của hoạt động vận dụng trong SGK trang 78.  + Viết hoặc vẽ một áp phích thể hiện sự tôn trọng bạn cùng giới và khác giới.  + Giới thiệu sản phẩm của em và tuyên truyền với bạn, người thân cùng thực hiện.  -GV tổ chức cho từng nhóm lựa chọn cách viết hoặc vẽ một áp phích thể hiện sự tôn trọng bạn cùng giới và khác giới lên giấy khổ A4, A3 hoặc A0 tuỳ điều kiện của lớp, trường.  -GV mời đại diện một số nhóm lên đóng vai là các tuyên truyền viên để giới thiệu sản phẩm của nhóm mình và tuyên truyền bạn bè, người thân cùng thực hiện tôn trọng bạn cùng giới và khác giới.  -GV mời HS các nhóm khác nhận xét, trao đổi.  -GV yêu cầu HS rút ra kết luận.  -GV tổng kết và khen ngợi các nhóm có sản phẩm đẹp, nội dung tuyên truyền hay và sáng tạo; thuyết trình tự tin và lưu loát.  -GV gợi ý và dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá trong bài.  -GV yêu cầu HS về nhà hoàn thiện áp phích tuyên truyền về tôn trọng bạn cùng giới và khác giới để trưng bày ở góc sáng tạo của lớp. | -HS chia nhóm và đọc nội dung yêu cầu của hoạt động vận dụng trong SGK trang 78.  -HS vẽ, viết một áp phích thể hiện sự tôn trọng bạn cùng giới và khác giới theo sự sáng tạo của từng thành viên trong nhóm.  -Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm và tuyên truyền bạn bè, người thân cùng thực hiện tôn trọng bạn cùng giới và khác giới.  -HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét và trao đổi.  -HS rút ra kết luận: Cùng chia sẻ và thực hiện cư xử đúng mực, tôn trọng bạn cùng giới và khác giới.  -HS lắng nghe.  -HS nêu được các từ khoá trong bài: Đặc điểm sinh học; Đặc điểm xã hội.  -HS lắng nghe và thực hiện. |
| -Về nhà xem lại các nội dung đã học.  -Chuẩn bị cho tiết 1 bài 23. |  |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

….……………………………………………………………………………………  
====================================  
**MÔN: KHOA HỌC**

**BÀI 23: SỰ SINH SẢN Ở NGƯỜI (3 TIẾT - TIẾT 1)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

− Sử dụng được sơ đồ và một số thuật ngữ (trứng, tinh trùng, sự thụ tinh,...) để trình bày quá trình hình thành cơ thể người. Nêu được ý nghĩa của sự sinh sản ở người.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, sáng tạo trong thảo luận để tìm ra ý nghĩa của sự sinh sản.

- Ham hiểu biết, tìm hiểu về quá trình hình thành cơ thể người và ý nghĩa của sự sinh sản ở người. Trách nhiệm trong việc chia sẻ những đóng góp trong hoạt động nhóm. Trung thực trong thảo luận và báo cáo kết quả thảo luận.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:**

-Câu hỏi khởi động.

-Hình 1 (SGK trang 79).

-Hình sơ đồ gợi ý trong SGK trang 80.

**2.Học sinh**

-SGK trang 79,80

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Hoạt động Mở đầu** (3 phút) | |
| ‒ GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm đôi, một bạn đặt câu hỏi: Đặc điểm nào trên gương mặt bạn giống bố hoặc giống mẹ nhất? Bạn còn lại sẽ trả lời theo cảm nhận của bản thân.  ‒ GV có thể tổ chức dưới dạng các trò chơi như: “Đi tìm bố, mẹ”, “Ai tinh mắt?”,…  ‒ GV đặt câu hỏi: Các em có biết nhờ đâu mà chúng ta có những đặc điểm giống bố, mẹ không?  ‒ GV dẫn dắt vào bài học “Sự sinh sản ở người”. | − HS chia nhóm và hỏi đáp với nhau. Ví dụ:  + Bạn A hỏi: Đặc điểm nào trên gương mặt bạn giống bố hoặc giống mẹ nhất?  + Bạn B trả lời: Mình giống bố khuôn mặt, giống mẹ đôi mắt,…; hoặc mình giống bố đôi tai, giống mẹ làn da trắng,…  − HS tham gia trò chơi theo sự hướng dẫn của GV.  − HS trả lời theo khả năng hiểu biết của bản thân.  − HS lắng nghe. |
| **B.Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **Tìm hiểu về quá trình hình thành cơ thể người** (15 phút) | |
| – GV chia lớp thành các nhóm và tổ chức cho HS quan sát các hình 1a, 1b, 1c, 1d (SGK trang 79), đọc nội dung trong các hộp thông tin, thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ: Nói về quá trình hình thành cơ thể người. | − HS chia nhóm, quan sát hình, đọc thông tin và thảo luận nhóm. |
| -GV mời đại diện của một số nhóm lên chỉ hình và nói về quá trình hình thành của cơ thể người.  -GV mời các HS khác nhận xét.  -GV nhận xét, khen ngợi nhóm có câu trả lời đúng, bổ sung và chỉnh sửa cho nhóm có câu trả lời chưa chính xác.  -GV hướng dẫn HS rút ra kết luận. | − HS trả lời.  + Hình 1a: Tinh trùng của người bố di chuyển tới gặp trứng của người mẹ. Thường chỉ có một tinh trùng chui được vào trứng để thụ tinh, tạo thành hợp tử.  + Hình 1b: Hợp tử di chuyển dần về tử cung, phát triển thành phôi.  + Hình 1c: Phôi phát triển thành thai nhi.  + Hình 1d: Em bé được sinh ra sau khoảng 9 tháng.  -HS nhận xét lẫn nhau.  -HS lắng nghe.  -HS rút ra kết luận: Quá trình thụ tinh diễn ra trong cơ quan sinh dục của người mẹ. Sự thụ tinh xảy ra khi tinh trùng của người bố kết hợp với trứng của người mẹ tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành phôi, phôi phát triển thành thai nhi trong cơ thể người mẹ. Sau khoảng 9 tháng, em bé được sinh ra. |
| **3.Hoạt động luyện tập, thực hành:**  **Hoàn thành sơ đồ mô tả quá trình hình thành cơ thể người** (15 phút) | |
| – GV chia lớp thành các nhóm và tổ chức cho HS quan sát sơ đồ gợi ý trong SGK trang 80, thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ: Lựa chọn ô chữ phù hợp để hoàn thành sơ đồ mô tả quá trình hình thành cơ thể người vào giấy khổ A3 hoặc A4. Lưu ý: GV khuyến khích HS có thể vẽ, viết sơ đồ này một cách sáng tạo hơn để phát huy các năng lực vẽ, viết, sơ đồ hoá của HS. | − HS chia nhóm, lựa chọn ô chữ thích hợp để hoàn thành sơ đồ mô tả quá trình hình thành cơ thể người theo sự hướng dẫn của GV. |
| -GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ sản phẩm trước lớp.  -GV mời HS các nhóm khác nhận xét.  -GV nhận xét và khen ngợi những HS có câu trả lời đúng, lưu loát, có thêm những ý tưởng mới, trình bày sơ đồ một cách sáng tạo.  -GV khuyến khích HS đọc thêm mục Em tìm hiểu thêm để hiểu rõ hơn các giai đoạn phát triển của thai nhi. | -HS chia sẻ sản phẩm của nhóm mình.  -HS nhận xét lẫn nhau và nhắc lại được quá trình hình thành cơ thể người.  -HS lắng nghe.  -HS lắng nghe và thực hiện. |
| **4.Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2 phút)** |  |
| -GV yêu cầu HS hoàn thiện sơ đồ quá trình hình thành cơ thể người để trưng bày ở góc sáng tạo của lớp hoặc viết vào vở. | -HS lắng nghe và thực hiện. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  
**MÔN: KHOA HỌC**

**BÀI 23: SỰ SINH SẢN Ở NGƯỜI (3 TIẾT - TIẾT 2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

− Sử dụng được sơ đồ và một số thuật ngữ (trứng, tinh trùng, sự thụ tinh,...) để trình bày quá trình hình thành cơ thể người. Nêu được ý nghĩa của sự sinh sản ở người.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác, sáng tạo trong thảo luận để tìm ra ý nghĩa của sự sinh sản.

- Ham hiểu biết, tìm hiểu về quá trình hình thành cơ thể người và ý nghĩa của sự sinh sản ở người. Trách nhiệm trong việc chia sẻ những đóng góp trong hoạt động nhóm. Trung thực trong thảo luận và báo cáo kết quả thảo luận.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:**

-Trò chơi khởi động.

-Các hình 2 – 6 (SGK trang 81).

-SGK trang 81.

**2.Học sinh**

-SGK

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động Mở đầu** (5 phút) | |
| -GV gợi mở để HS nhớ lại nội dung kiến thức về chủ đề Gia đình mà HS đã học ở môn Tự nhiên và xã hội lớp 1, 2, 3.  -GV tổ chức cho HS thi vẽ nhanh sơ đồ về các thế hệ trong gia đình mình.  -GV mời một số HS chia sẻ sản phẩm trước lớp.  -GV nhận xét, tuyên dương các bạn có sơ đồ đúng và đẹp. GV dẫn dắt vào tiết 2 & 3 của bài học. | − HS lắng nghe.  − HS thực hiện theo sự hướng dẫn của GV.  − HS chia sẻ sản phẩm và có thể giới thiệu thêm về số lượng người qua từng thế hệ (ví dụ: lúc đầu, gia đình chỉ có ông bà sau đó ông bà sinh ra bố (hoặc mẹ) và cô hay chú (dì hay cậu),…).  − HS lắng nghe. |
| **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **Tìm hiểu về ý nghĩa của sự sinh sản** (20 phút) | |
| -GV chia lớp thành các nhóm và tổ chức cho HS quan sát các hình 2, 3, 4, 5, 6 (SGK trang 81), thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi sau:  + Ông bà của bạn Nam có mấy người con và bao nhiêu cháu? Sự thay đổi số lượng thành viên trong gia đình bạn Nam là do đâu?  + Các thành viên trong gia đình bạn Nam đã tham gia đóng góp cho gia đình và xã hội như thế nào?  -GV mời HS đại diện các nhóm lên nói lại ý nghĩa của từng hình và khái quát được ý nghĩa của sự sinh sản.  -GV mời HS các nhóm khác nhận xét và bổ sung.  -GV nhận xét và khen ngợi nhóm có câu trả lời đúng, bổ sung và chỉnh sửa cho những nhóm chưa tốt. | – HS chia nhóm, quan sát hình và thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi.  + Hình 2: Gia đình ông bà bạn Nam gồm có: ông bà, 4 người con và 2 cháu.  + Hình 3, 4, 5, 6: Các thành viên trong gia đình bạn Nam đều tham gia các công việc có ích cho xã hội và có thu nhập để đảm bảo cuộc sống gia đình như: làm cô giáo, làm kĩ sư, làm kiểm lâm, làm y tá.  -HS trả lời và rút ra được kết luận về ý nghĩa của sự sinh sản ở người:  + Tạo ra các thế hệ tiếp nối từ đời này qua đời khác trong mỗi gia đình, dòng họ.  + Cung cấp lực lượng lao động cho xã hội, góp phần giữ gìn, xây dựng và phát triển đất nước.  -HS nhận xét và bổ sung (nếu có).  -HS lắng nghe. |
| **3.Hoạt động luyện tập: Cùng thảo luận** (10 phút) | |
| -GV tổ chức cho HS hỏi – đáp cặp đôi theo nội dung các câu hỏi sau:  + Sự sinh sản ở người có ý nghĩa gì?  + Điều gì sẽ xảy ra đối với mỗi gia đình và xã hội nếu không có sự sinh sản?  -GV mời một số nhóm lên hỏi – đáp trước lớp.  -GV mời HS các nhóm khác nhận xét.  − GV nhận xét và chốt lại nội dung các câu trả lời cho HS. | − HS chia nhóm và hỏi – đáp theo cặp. Một bạn hỏi và một bạn trả lời.  − Đại diện một số nhóm lên hỏi – đáp trước lớp.  − HS các nhóm khác lắng nghe và nhận xét.  − HS lắng nghe. |
| \*Hoạt động nối tiếp  -Về nhà xem lại bài .  -Chuẩn bị cho tiết 3: Hình ảnh về các thế hệ trong gia đình: ông bà, cha mẹ, con |  |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  
==================================  
**MÔN: KHOA HỌC**

**BÀI 23: SỰ SINH SẢN Ở NGƯỜI (3 TIẾT - TIẾT 3)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

− Sử dụng được sơ đồ và một số thuật ngữ (trứng, tinh trùng, sự thụ tinh,...) để trình bày quá trình hình thành cơ thể người. Nêu được ý nghĩa của sự sinh sản ở người.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác, sáng tạo trong thảo luận để tìm ra ý nghĩa của sự sinh sản.

-Chăm chỉ: Ham hiểu biết, tìm hiểu về quá trình hình thành cơ thể người và ý nghĩa của sự sinh sản ở người. Trách nhiệm trong việc chia sẻ những đóng góp trong hoạt động nhóm. Trung thực trong thảo luận và báo cáo kết quả thảo luận.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên:**

-Trò chơi khởi động.

-Các hình 2 – 6 (SGK trang 81).

-SGK trang 81.

**2.Học sinh**

-SGK

-Các thành viên trong gia đình gồm: ông bà, cha mẹ và các con

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Hoạt động Mở đầu** **(2 phút)** | |
| **-**GV cho HS hát và vận động theo nhạc bài: cả nhà thương nhau. | -HS thực hiện |
| **2.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: Cùng làm bộ sưu tập** **(33 phút)** | |
| – GV chia lớp thành các nhóm và yêu cầu HS đọc nội dung câu lệnh ở mục Hoạt động vận dụng (SGK trang 81).  + Sưu tầm hình ảnh về các thành viên trong gia đình hoặc dòng họ của em qua các thế hệ và tìm hiểu những đóng góp của từng thành viên cho gia đình, xã hội.  + Giới thiệu và chia sẻ với bạn. | − HS chia nhóm và đọc nội dung câu lệnh ở mục Hoạt động vận dụng. |
| -GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để sắp xếp các hình ảnh về các thành viên trong gia đình hoặc dòng họ của em qua các thế hệ vào giấy bìa khổ lớn như khổ A3, A0 (tuỳ điều kiện của HS và nhà trường).  -GV mời một số HS lên chia sẻ trước lớp sản phẩm bộ sưu tập về các thành viên trong gia đình qua các thế hệ và nói về những đóng góp của từng thành viên cho gia đình, xã hội.  \* *Lưu ý:* GV cần quan tâm tới những em có hoàn cảnh không may bị mất bố hoặc mẹ để chia sẻ, động viên các em.  -GV mời HS các nhóm khác nhận xét.  -GV khen ngợi những HS có bộ sưu tập với nhiều hình ảnh đẹp và sáng tạo. Đối với những HS không có ảnh chụp, GV khuyến khích HS vẽ một vài hình ảnh hoặc viết về các thành viên trong gia đình hoặc dòng họ.  − GV gợi ý và dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá trong bài.  − GV yêu cầu HS về nhà tiếp tục sưu tầm một số hình ảnh của các em từ lúc mới sinh tới nay để chuẩn bị cho bài học sau. | − HS thảo luận nhóm để sắp xếp, trang trí các hình ảnh đã chuẩn bị (các em có thể vẽ, viết nếu không có hình chụp) vào giấy khổ A3 hoặc A0 theo sự sáng tạo của từng thành viên trong nhóm.  − Một số HS lên trình bày sản phẩm.  − HS các nhóm khác lắng nghe và nhận xét. – HS lắng nghe.  − HS nghiên cứu và tìm ra các từ khóa: Sinh sản ở người; Thụ tinh; Hợp tử; Phôi; Thai nhi.  – HS lắng nghe và thực hiện. |
| -Về nhà xem lại bài.  -Chuẩn bị bài mới tiết 1 bài 24 |  |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………  
**MÔN: KHOA HỌC**

**Bài 24: CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA CON NGƯỜI (TIẾT 1)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

-Phân biệt được một số giai đoạn phát triển chính của con người (tuổi ấu thơ, tuổi dậy thì, tuổi trưởng thành,...).

− Năng lực giao tiếp và hợp tác trong thảo luận nhóm; quan sát và phân tích hình ảnh, nội dung để nêu được những đặc điểm nổi bật của một số giai đoạn phát triển chính của con người. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bộ sưu tập, chia sẻ sự thay đổi của bản thân hoặc người thân qua từng giai đoạn; chăm sóc, kính trọng người cao tuổi,…

- Chăm sóc, kính trọng người cao tuổi. Trung thực, chăm chỉ trong việc làm bộ sưu tập, chia sẻ những việc đã làm thể hiện sự chăm sóc, kính trọng người cao tuổi.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.GV:**

-Câu lệnh khởi động (SGK trang 82).

-Các hình 1 – 4, 5a, 5b, 5c (SGK trang 82).

**2.HS**

-SGK

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Hoạt động Mở đầu** (5 phút) | |
| ‒ GV tổ chức cho HS chia sẻ về những thay đổi của bản thân qua các bức ảnh từ lúc nhỏ đến nay (hoặc GV có thể chiếu các hình ảnh của một nhân vật qua các giai đoạn khác nhau trong cuộc đời mà GV sưu tầm được để yêu cầu HS nói về sự thay đổi của nhân vật đó qua các bức ảnh).  ‒ GV mời các HS lần lượt chia sẻ về những thay đổi của bản thân qua các bức ảnh.  ‒ GV giải thích cho HS: Con người trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau về thể chất và tinh thần.  ‒ GV dẫn dắt vào bài học “Các giai đoạn phát triển của con người”. | − HS chia sẻ những bức ảnh từ lúc nhỏ tới nay (hoặc các ảnh về một nhân vật khác mà HS đã sưu tầm được) để giới thiệu trước lớp về những thay đổi của bản thân (hoặc nhân vật) qua từng bức ảnh.  Ví dụ:  + Bạn A: Đây là các bức ảnh của mình từ lúc mới sinh đến khi vào lớp 1. Bản thân có nhiều sự thay đổi như: mình biết bò, biết đi, biết nói, biết thể hiện cảm xúc, biết đọc và biết viết,…  + Bạn B: Đây là các bức ảnh của mình từ lúc mới sinh đến nay. Mình có nhiều thay đổi như: bắt đầu đứng chựng, biết nói, biết đi, mình vào lớp 1 và quen với các bạn mới, biết thể hiện sở thích,...  − Các HS lần lượt chia sẻ những bức ảnh của mình và nói về những thay đổi của bản thân qua các bức ảnh đó.  − HS lắng nghe.  − HS lắng nghe. |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới**  ***\*Hoạt động 1: Tìm hiểu các giai đoạn phát triển chính của con người (15 phút)*** | |
| ‒ GV chia lớp thành các nhóm và tổ chức cho HS quan sát các hình 1, 2, 3, 4 (SGK trang 82) và thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu: Cho biết cuộc đời của con người có thể chia làm mấy giai đoạn chính. Hoặc GV có thể treo các hình 1, 2, 3, 4 lên bảng, mời HS lên chỉ hình và nói tên từng giai đoạn phát triển chính của con người.  ‒ GV tổ chức cho HS thi viết khái quát về các giai đoạn phát triển chính của con người và chia sẻ với bạn.  ‒ GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ câu trả lời. Các HS khác nhận xét và bổ sung.  ‒ GV nhận xét chung, khen ngợi các nhóm có câu trả lời đúng và nhanh nhất.  ‒ GV hướng dẫn HS rút ra kết luận. | − HS chia nhóm, quan sát hình và thảo luận nhóm.  − HS mô tả các hình:  + Hình 1: Tuổi ấu thơ.  + Hình 2: Tuổi vị thành niên.  + Hình 3: Tuổi trưởng thành.  + Hình 4: Tuổi già.  − HS lắng nghe và thực hiện.  − HS trả lời và nhận xét lẫn nhau.  − HS lắng nghe.  − HS lắng nghe và rút ra được kết luận: Con người trải qua bốn giai đoạn phát triển chính, đó là: tuổi ấu thơ, tuổi vị thành niên, tuổi trưởng thành, tuổi già. |
| ***\*Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm nổi bật của tuổi ấu thơ*** **(15 phút)** | |
| -GV chia lớp thành các nhóm và tổ chức cho HS quan sát các hình 5a, 5b, 5c (SGK trang 82), đọc nội dung trong các hộp thông tin, thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ: Cho biết những đặc điểm nổi bật của tuổi ấu thơ.  -GV có thể treo các hình 5a, 5b, 5c và mời đại diện một số HS lên bảng nói về đặc điểm của từng giai đoạn phát triển của tuổi ấu thơ.  -GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ câu trả lời. Các HS khác nhận xét và bổ sung.  -GV nhận xét, khen ngợi những HS trả lời đúng và lưu loát.  -GV hướng dẫn HS rút ra kết luận. | − HS chia nhóm, quan sát hình và thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ.  − HS mô tả các hình:  + Hình 5a: Từ lúc mới sinh đến dưới 3 tuổi.  + Hình 5b: Từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi.  + Hình 5c: Từ 6 tuổi đến 9 tuổi.  − HS trả lời và nhận xét lẫn nhau.  − HS lắng nghe.  − HS lắng nghe và rút ra kết luận: Tuổi ấu thơ được tính từ lúc mới sinh đến 9 tuổi và được chia thành ba giai đoạn chính: từ lúc mới sinh đến dưới 3 tuổi, từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi, từ 6  đến 9 tuổi. |
| Về nhà xem lại bài và chuẩn bị tiết 2 |  |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………  
================================